

## Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

## Notes sur la province de Kontum

## Lược-khảo về tỉnh Kontum

Au moment où le problème de l'Hinterland moi est à l'étude, il n'est peut-être pas inutile de contribuer à faire connaître au public du Delta la province de Kontum qui sera certainement appelée à occuper une des places les plus importantes dans cette nouvelle organisation. Pour n'envisager que le seul point de vue économique, une ville et surtout une ville doublée d'un port, comme tel est le cas de presque toutes les villes d'Annam, ne peut devenir prospère que si elle a derrière elle un arrière-pays capable de lui fournir une source de matières premières pour l'exportation et un réservoir de débouchés pour l'importation. Or, si jusqu'ici le marché des échanges est resté chez nous relativement peu important, c'est dû sans nul doute en partie au manque d'exploitation de nos arrière-pays dont les richesses forestières, — pour ne citer que celles-là, — sont incontestables. Donc, du jour où les régions moïs seront méthodiquement et complètement réorganisées, notre Pays pourra en tirer d'immenses avantages, et ainsi, tout Annamite, désireux de voir l'Annam prendre un essor nouveau dans le domaine économique, ne devra se désintéresser de cette question d'actualité. D'autre part, le génie d'un peuple ne se développe qu'en raison directe de son extension. Nul ne conteste que grâce à l'impulsion du gouvernement du Protectorat, l'Annam ne sera appelé dans un avenir très prochain à manifester sa présence dans toutes les branches de l'activité humaine. Les forêts vierges et les terrains incultes de toutes ces régions à exploiter pourront alors offrir à l'initiative de nos futurs planteurs ou industriels un vaste champ d'expérience et d'action.

Giữa lúc Chính-phủ đương tính cách kinh-dinh mấy xứ Mọi lại, đem đòi ba chuyện tỉnh Kontum, là một chốn trông-lai đối với mấy xứ ấy chắc có ảnh-hưởng nhiều, đề bá-cáo cùng đồng-bang hạ-châu ta, tôi trộm tưởng cũng có phần hữu-ích vậy. Chỉ lấy một phía kinh-tế mà xét, một thành-phố, nhất là một thành-phố ở gần một hải-khẩu như phần nhiều các thành-phố Trung-kỳ ta, nếu bên cạnh không có một xứ sản sản-hóa, sản nhân-vật dễ thông-lợi cho đường xuất-cảng nhập-cảng, thành-phố ấy không lẽ nào mà thịnh-vượng được. Xưa nay, Trung-kỳ ta thương-mãi không được phát-đạt bao nhiêu, cơ cũng có vì miền Thượng-du ta chưa khai-khẩn, mà miền Thượng-du sản-vật như các thứ gỗ không phải quý-báu lắm hay sao? Bởi có đó nên chỉ đến ngày vấn-đề kinh-dinh mấy xứ Mọi sẽ giải-quyết được đủ nét hoàn-toàn, ngày ấy chắc xứ ta được nhiều phần ích-lợi lắm, và cũng bởi có đó nên chỉ đồng-bang ta, ai là kẻ hữu-tâm cùng vận-mạng kinh-tế của nước nhà, phải nên lấy vấn-đề ấy làm một vấn-đề quan-trọng vậy. Và chẳng, tinh-thần của một dân-tộc càng bành-trương bao nhiêu, càng mở-mang tấn-hóa bấy nhiêu. Nhờ có qui Chánh-phủ Bảo-hộ chủ-trương, nay mai chi đây nước ta cũng sẽ chiếm được một địa-vị trên sân vũ-đài hoàn-hải, sự ấy không còn ai nghi-hoặc nữa, mà đến ngày ấy, những rừng rậm đất hoang kia có lẽ làm một trường kinh-nghiệm rất rộng rất lớn cho những nhà khai-khẩn, nhà công-nghệ ta đó vậy.

Les notes qui suivent ont été écrites d'après les observations personnelles recueillies au cours de mes nombreuses excursions d'études en pays sauvages. Elles n'ont aucune prétention scientifique. L'intention de l'auteur était simplement de présenter aux hommes de goût, fatigués des complications et des raffinements de la vie moderne, un coin délicieux encadré d'un horizon de fraîcheur encore toute primitive.

*Historique.* — Kontum est le nom d'un village moi formé de deux mots banhars qui signifient « village » et « étang ». C'est près de là que deux missionnaires catholiques vinrent s'établir il y a près de 80 ans. Peu à peu, autour de ce foyer d'évangélisation, des Annamites d'abord catholiques, puis bouddhistes, tous venus du Delta, se groupèrent. Des villages se formèrent dont l'importance devint telle qu'en 1913 le gouvernement du Protectorat crut devoir ériger définitivement cette colonie en province, donnant le nom de Kontum au nouveau pays et le soumettant à l'administration mixte des provinces d'Annam.

*Situation géographique.* — La province de Kontum est limitée au nord par la province de Quảng-ngãi, au sud par les provinces de Phú-yên et de Khánh-hòa, à l'ouest par le Laos et à l'est par la province de Bình-định. C'est un plateau de 800 mètres de hauteur et de 1800 k<sup>2</sup> de superficie environ, entouré de montagnes de tous les côtés, à l'ouest par les montagnes du Laos, à l'est, au sud et au nord par la Chaîne annamitique. Au centre de ce plateau s'élève un mont, le Hơdrong, où prend sa source le Métong qui se jette dans le Bla, lequel se dirigeant vers le Laos, vient se perdre à son tour dans le Mékong après avoir baigné Kontum et fait plusieurs chutes dont la plus importante est celle de Da-ly.

Tôi chép ra bài lược-khảo sau này là chỉ lấy sở-kiến sở-văn trong những khi đi du-lich xem xét về dân Mọi, chứ không phải là định làm bài nghiên-cứu theo phép khoa-học. Thiển-ý tôi chỉ muốn đem một góc phong-cảnh thiên-nhiên để mua vui một buổi cho những người tri-não đã mệt vì phiên-ba đô-hội mà thôi vậy.

*Lịch-sử.* — Kontum là tên một làng Mọi, bởi hai chữ banhar mà ra, chữ « kon » nghĩa là « làng », chữ « tum » nghĩa là « hồ ». Cách gần 80 năm nay, có hai ông cố lên giảng đạo ở đó trước. Dần dần người An-Nam tìm đờng theo các cố lên, lúc đầu người bên giáo, sau người bên lương cũng theo lên. Lên đông rồi lập ra thôn-ấp. Đến năm 1913, nhà-nước Bảo-hộ thấy dân-sự đông-đủ, bèn mới dựng xứ Kontum thành tỉnh, lấy hai chữ Kontum làm tỉnh-hiệu, rồi đem thống-thuộc vào Trung-kỳ ta vậy.

*Địa-dư.* — Tỉnh Kontum phía bắc giáp-giới tỉnh Quảng-ngãi, phía nam tỉnh Phú-yên và tỉnh Khánh-hòa, phía tây nước Ai-lao, phía đông tỉnh Bình-định. Tỉnh Kontum là một vùng đất cao phẳng-chừng 800 thước tây, và rộng phẳng-chừng 1800 ngàn thước vuông tây, tứ phía có núi bao-bọc cả, phía tây núi Lào, phía bắc phía đông và phía nam núi Đại-ngàn. Giữa vùng đất cao ấy, có một hòn núi gọi là núi Hơdrong. Sông Métong phát-nguyên ở đó, rồi chảy vào sông Bla. Sông Bla đi qua Kontum, phớt qua mấy cái thác (thác cao hơn cả là thác Đa-ly), chạy sang bên Lào rồi đổ vào sông Mê-kông.

*Voies d'accès.* — Kontum se trouve à peu près à égale distance entre le Laos et l'Annam. Il est à 267 km. de Ban-méthuôt et 212 km. de Qui-nhơn. On y accède par trois voies : Qui-nhơn, Ban-méthuôt ou Sông-cầu en passant par Cống-sơn. Mais la voie la plus pratique est celle de Qui-nhơn. Par celle-ci, on peut avoir recours à trois moyens de transport : en auto, en pousse ou en charrette à bœufs. Pendant la saison sèche, l'auto met en général 8 heures pour parcourir la distance Qui-nhơn — Kontum ; il faut en compter deux jours pendant la saison des pluies. Avec le pousse, le voyage dure environ 5 jours ; avec la charrette à bœufs, au moins une semaine.

Quant aux agréments de voyage, ne vous en faites pas trop d'illusions. Jusqu'à An-khê, c'est encore assez bien, c'est même très bien sur le col de Binh-khê. A tous ceux qui n'auront vécu qu'au sein des artifices humains et dont le regard ne se sera jamais élevé ni au-dessus des panaches de fumée d'une usine ni au-delà de la pointe du paratonnerre d'un bâtiment public, je recommanderai une minute de recueillement sur le col de Binh-khê. Là, devant la majesté des sites inédits et l'immensité d'un panorama grandiose, ils pourront alors méditer toute la profondeur de ces deux vers de Lamartine :

*Comme une goutte d'eau dans l'océan versée,  
L'Infini dans son sein absorbe ma pensée.*

Le col de Binh-khê traversé, vous arrivez à An-khê. Si vous quittez le delta en plein été, vous constaterez un changement de climat peu ordinaire en y arrivant. Alors que là-bas vous vous tourmentiez sous une chaleur étouffante, ici, il vous faut une bonne couverture pour passer la nuit et ne pas grelotter de froid. A partir d'An-khê, sur une route qui serpente

*Lộ-dờ.* — Ai-lao và Trung - kỳ ở hai bên, tỉnh Kontum đứng lưng chừng vào khoảng giữa. Thành-phố Kontum cách Banméthuôt 267 cây số, cách Qui-nhơn 212 cây. Có ba đường đi lên Kontum : đường Qui-nhơn, đường Banméthuôt và đường Sông-Cầu (đi qua Cống-sơn). Nhưng đường tiện hơn cả là đường Qui-nhơn. Đi đường Qui-nhơn, có ba cách hành-trình : đi xe-hơi, đi xe-kéo hay đi xe-bò. Về mùa nắng, từ Qui-nhơn lên đến Kontum, xe-hơi đi 8 giờ. Về mùa mưa, phải tính hai ngày. Xe kéo thời chừng năm ngày đến nơi ; xe-bò ít nữa cũng phải một tuần-lễ.

Còn về cảnh-thú dọc đường thời không nên mong-mỏi quá mà phải thất-vọng. Từ Qui-nhơn đến An-khê còn khá-khá, mà đến giữa đèo Binh-khê chẳng phải khá mà thôi, lại cũng đẹp thiệt. Ai là kẻ xưa nay chỉ vẩn sa vào trong vòng ấm-no vui-thú, cặp mắt chưa từng trông qua khỏi mấy ống khói các nhà máy, qua khỏi ngọn thu-lôi các sở công, nếu đi đến giữa đèo Binh-khê, tôi xin tĩnh-tâm lại một phút mà nghĩ-ngợi. Đến đó, trước cái phong-cảnh mênh-mông của vũ-trụ, nhớ lại hai câu thơ ông LAMARTINE, dịch rằng :

*Nghĩ mình đối cõi trần-hoàn,  
Cầm bằng giọt nước ở làn biển Đông.  
mới hiểu thấu được tinh-thần câu thơ vậy.*

Qua khỏi đèo Binh-khê, đến An-khê. Nếu ở Binh-dịnh đương mùa hè mà ra đi, đến An-khê thấy khi-hậu đổi ngay hẳn. Lúc ở dưới còn thiệt nóng, lên đến An-khê có chần dầy khá mới ngủ khỏi lạnh được. Từ An-khê sắp lên, chỉ đi quanh-queo mãi trong rừng, hai bên đường không hàng-quán, cửa-nhà, ruộng-nương gì cả.

et s'enfonce sans fin dans les forêts, vous ne voyez ni auberges, ni habitations, ni champs cultivés. De temps à autre, une hutte moi perchée sur le flanc d'une montagne, un convoi de charrettes à bœufs qui descend, un groupe de *linh* sortant de leur *tram* pour vous regarder passer, seront les seuls agréments qui vous distrairont de la monotonie du voyage et vous feront alors sentir dans la plus profonde intimité de votre âme que, partout et toujours, l'homme ne se sent à l'aise que dans sa société. Enfin, vous arrivez à Kontum. De loin, les faites des bâtiments publics commencent à s'offrir à votre vue. Vous vous approchez : des rangées de sabliers se montrent à vous, vous donnant l'illusion d'une ville avec ses rues et ses boulevards. Vous traversez le bac du Bla, et vous voilà à Kontum.

*Administration.* — Administrativement, la province de Kontum comprend un phủ et un huyện : le phủ de Kontum et le huyện de Tân-an. Il faut y distinguer deux éléments ethnographiques : les Annamites et les Moïs. À la tête du phủ, se trouvent un tri-phủ annamite pour l'administration annamite et un chef moi pour l'administration moi ; à la tête du Huyện, un tri-huyện annamite et deux chefs moïs ayant respectivement les mêmes attributions que les fonctionnaires cités plus haut. Au point de vue annamite, le Phủ, composé de deux cantons, a une population de 3067 âmes. Le Huyện en compte 3001 réparties en trois cantons. (Chiffres du recensement de 1922). Quant aux Moïs, il y a des soumis et des insoumis. Les soumis, c'est-à-dire ceux qui acceptent les conditions d'un inscrit régulier, se chiffrent à 25 mille environ à l'heure actuelle.

Au sommet de la hiérarchie administrative est le Résident de France qui réside à Kontum, ayant sous ses ordres, outre le personnel européen, annamite et moi de la Résidence, un inspecteur de milice, un

Thỉnh-thoảng, hoặc một cái túp Mọi bên sườn núi, hoặc một đoàn xe-bò ở trên về, hoặc năm ba tên lính trạm thấy bóng người chạy ra góc, chỉ có thể là thú giải-trí cho lộ-khách, mà lộ-khách trong những lúc ấy hồi-tỉnh lại mới biết rằng làm con người đứng trong vũ-trụ không có đồng-thanh đồng-khí thời thiệt khó chịu lắm vậy. Nhưng đi quanh-queo mãi rồi cũng phải đến *Kontum*. Còn đường xa, lộ-khách đã trông thấy mấy cái nóc nhà quan. Gần lại đôi ba dãy cây-vòng hiện ra làm cho lộ-khách tưởng sắp đến một nơi đô-hội lớn. Lộ-khách qua khỏi dò sông *Bla*, thế là đến *Kontum* vậy.

*Chánh-trị.* — Nói về chánh-trị, thời tỉnh *Kontum* gồm một phủ và một huyện : phủ *Kontum* và huyện Tân-an. Trong tỉnh có hai thứ người An-Nam và Mọi. Trong phủ có một ông tri-phủ An-Nam để cai-trị người An-Nam và một ông chủ Mọi để cai-trị người Mọi. Trong huyện có một ông tri-huyện An-Nam để cai-trị An-Nam và hai ông chủ Mọi để cai-trị Mọi. Nói về An-Nam, Phủ có hai tổng, được cả thấy 3067 dân-số. Huyện có ba tổng, được cả thấy 3001 dân-số. (Nói theo số tổng-kê kỳ hộ-khẩu năm 1922). Còn Mọi, thời phải phân ra hai hạng : hạng Mọi đã phục và hạng Mọi chưa phục. Mọi đã phục, nghĩa là Mọi đã chịu sưu-thuế như dân-dinh An-Nam, hiện bây giờ được trong ngoài hai vạ rưới người.

Làm chủ Tỉnh có quan Công-sứ, tòa sứ ở tại thành-phố *Kontum*. Trong Tòa có đủ quan-viên người Pháp, người An-Nam và người Mọi. Dưới quyền quan Công-sứ, có một ông giám-

médecin-auxiliaire de l'Assistance, un chargé des postes et télégraphes et un personnel enseignant. L'Inspecteur de milice commande à cinq garde-principaux dont un à Chợ-đồn (119 km de Kontum), un à Dak-tô (50 km), un à Plei-ku (55 km), un à Che-reo (155 km) et un à Kontum même. Dirigée par un médecin-auxiliaire ayant sous sa direction un personnel d'infirmiers annamites et moi, l'Ambulance dispose d'une cinquantaine de lits environ spécialement destinés aux malades indigents. La Poste est une poste complète, mais ne reçoit que deux courriers et n'en expédie que deux par semaine. Quant à l'École franco-moi, elle est dirigée par un instituteur annamite secondé d'auxiliaires annamites et mois. On y admet à la fois des Annamites et des Mois. Il existe un internat pour ces derniers.

*Climat.* — En raison de sa situation géographique, Kontum jouit d'un climat généralement excellent. On peut y distinguer deux saisons : la saison des pluies qui va d'avril à novembre et la saison sèche, le reste de l'année. À proprement parler, la saison des pluies ne commence que vers le début de juin, car avril et mai sont plutôt des mois d'orages. Ces mois d'orages constituent l'époque la plus pénible de l'année. Le jour se lève au milieu d'une fraîcheur toute printanière. Bientôt cependant la chaleur commence à devenir brûlante. On se croirait en plein été d'Annam en rentrant du travail de la matinée. L'après-midi, le tonnerre se fait entendre, de gros nuages s'entassent à l'horizon, un vent violent souffle impétueusement, quelques gouttes de pluie tombent, le temps est lourd, l'homme se sent énérvé, la nuit approche au milieu d'un malaise général des plus pénibles, mais tout rentre dans l'ordre à partir de 8 heures du soir. Quant aux pluies, elle sont rarement continues. Le plus souvent, elles se font par averses,

bình, một ông y-sĩ An-Nam, một ông thông-sự Điện-báo và các ông giáo-sư. Ông Giám-bình cai-quản năm ông một lính khố-xanh : một ông ở Chợ-đồn (cách Kontum 119 cây số), một ông ở Dak-tô (cách Kontum 50 cây), một ông ở Plei-ku (cách Kontum 55 cây), một ông ở Cheo-reo (cách Kontum 155 cây) và một ông ở tại Kontum. Nhà-thương Kontum có một ông y-sĩ An-Nam cai-quản và nhiều thầy khánh-hộ người An-Nam và người Mọi làm việc ; nhà thương được độ 50 cái giường cốt để cho kẻ nghèo dưỡng-bệnh. Điện-báo là một nhà điện-báo lớn, thơ - từ mắng - đả giầy-thép chi cũng gửi được, nhưng một tuần chỉ có hai kỳ thơ đi hai kỳ thơ lại thôi. Còn trường - học thời có một ông giáo-sư quyền-chức Đốc-học và nhiều thầy trợ-giáo An-Nam và Mọi dạy. Trường có cả An-Nam cả Mọi học. Học trò Mọi được nuôi ở trong trường.

*Khi-hậu.* — Vì địa-thể tỉnh Kontum cao, nên chi khi-hậu ở đó thường-thường tốt lắm. Khi-hậu ấy có lẽ chia ra hai mùa : Một mùa mưa từ tháng tư cho đến tháng mười một tây, và một mùa nắng từ tháng mười một cho đến tháng tư tây. Nhưng nói cho thiệt đúng thời kể từ đầu tháng sáu tây, mùa mưa mới khởi-sự, vì tháng tư và tháng năm tây là hai tháng đông-tổ. Trong cả năm chỉ có hai tháng ấy là khó chịu hơn cả. Thường-thường trong hai tháng ấy, sáng mới dậy, trời thiệt mát-mẻ, nhưng được một chập, nắng đã khởi-sự hơi hằm. Trưa làm việc về, nóng-nảy như mùa hè dưới ta. Quá trưa, đã nghe sấm-sét ầm-ầm. Xung quanh chân trời, mây đen ùn lên đặc sệt. Gió thổi ào-ào. Đồi ba giọt mưa sa xuống đất. Khi trời sấm-uất trong mình bực-rực. Đêm sắp đến thiệt là khó chịu. Nhưng quá tám giờ tối trời lại im lặng như thường. Còn mưa thì ít khi mưa dầm. Mưa hay

et entre les averses, il peut y avoir beau temps. Quand elles sont continuelles, elles entretiennent un état hygroscopique des plus insupportables, surtout vis-à-vis des vieux diathésiques. Pendant cette saison des pluies, la température n'est pas très variable entre les différents moments de la journée: elle oscille entre 22 — 28 degrés. Sauf les conséquences de l'humidité signalées plus haut, mais qui sont heureusement rares, cette saison est généralement bonne, surtout quand on a une habitation bâtie sur pilotis suffisamment confortable. Avec novembre, arrive le temps sec et froid. Le thermomètre descend jusqu'à 6 — 7 degrés au-dessus de 0 le matin pour remonter au-delà de 20 dans l'après-midi. Malgré cette énorme différence de température entre les différentes heures de la journée, la saison sèche est excellente pour la santé, bonne excitante à l'égard des caractères déprimés, très propice aux efforts de longue haleine.

En somme, et d'une façon générale, avec une vie régulière, régime réconfortant et occupation réglée, et avec les précautions hygiéniques et prophylactiques nécessaires à la préservation de la fièvre paludienne, on peut se porter à merveille dans ce pays si souvent réputé malsain. C'est en effet un climat qui ne connaît ni les rigueurs des hivers de France, ni les chaleurs excessives des étés d'Annam, et c'est pourquoi, sans compter les Européens, déprimés par un long séjour colonial, qui pourraient y trouver un lieu de changement d'air tout indiqué, nos compatriotes, qui ont besoin de se remettre d'une longue maladie et d'un surmenage intellectuel, pourraient également y avoir toutes les conditions d'un lieu de repos s'adaptant merveilleusement à leur constitution délicate.

*Fièvre.* — En général, on craint la fièvre en se rendant à Kontum et à juste titre quand on est obligé de stationner plusieurs jours dans les *trams* avant d'arriver à destination. Cette fièvre est la fièvre paludienne qui règne en maîtresse sur tout

mura những trận lớn, lúc tạnh lại, nhiều khi nắng ráo tử-tế. Nếu mưa dầm thời khi trời âm-thấp thiệt khó chịu-nhất là cho những kẻ hay đau xương cốt. Về mùa mưa, hàn-thử-biểu trong một ngày không lên xuống bao nhiêu, chỉ xê-xích trên dưới 22-28 độ mà thôi. Nếu không bị mưa dầm âm-thấp, — mà may sự này cũng ít có, — mùa ấy thường-thường cũng tốt, nhất là cho những kẻ có nhà gác sạch-sẽ ở. Sang qua tháng mười-một tây, trời lại khô-ráo, rét-lạnh. Sáng mai hàn-thử-biểu xuống đến 6-7 độ, nhưng chiều lại lên quá 20 độ. Dầu hàn-thử-biểu lên xuống cao-thấp thế mặc lòng, mùa này tốt lắm, những kẻ tính-khí nhác-nhớn cũng muốn làm việc, mà làm việc gì lâu-dài cũng được.

Nói tóm lại mà nghe, nếu biết xử-đủ khuôn-phép, nghĩa là âm-thực có tiết-độ, hành-vi có thì-khắc, lại biết cách vệ-sinh phòng-bị bệnh sốt-rét, thời ở *Kontum* bình-yên sức-khỏe lắm. Mà thiệt! Thủy-thỏ tỉnh *Kontum* không lạnh quá như bên Pháp, lại không nóng quá như dưới ta, nên chỉ chẳng những người Tây, ở thuộc-địa lâu ngày phải yếu, đến *Kontum* để đổi gió được mà thôi, chớ An-Nam ta, nếu hoặc vì bệnh hoặc vì đen-sách mà hao-tồn khí-huyết, đến đó để dưỡng-sức cũng tốt lắm, vì thủy-thỏ ấy mới hợp với thân-thể « thanh-cảnh » ta vậy.

*Bệnh sốt rét.* — Ai đi lên *Kontum* cũng sợ bị sốt-rét, mà sợ thế cũng phải, nhất là khi nào mình phải ở thẳng trạm lâu. Bệnh sốt-rét khắp cả tỉnh đâu-đâu cũng có, mà có thể là vì trong tỉnh rừng-núi sẫm-uất nhiều, lá-cây hủ-hoại nhiều, làm thành những chốn âm-thấp dễ cho muỗi sanh-sản rất dễ

le territoire de la Province. La cause principale en est que les forêts vierges, entretenant un état d'humidité constant par les feuilles d'arbre mortes qui s'entassent continuellement, constituent ainsi de véritables foyers de moustiques, agents propagateurs de cette maladie. À Kontum même où le pays est assez déboisé, le paludisme est relativement rare. Les Européens et nos compatriotes aisés qui y résident et qui savent s'offrir un confort hygiénique suffisant en sont rarement atteints, mais tout le monde ne réside pas à Kontum, ni n'est aisé, et c'est le cas des coolies annamites, émigrés ou agents de transport, qui viennent, après mille privations de toutes sortes, demander au pays un moyen de gagner. C'est pitoyable de voir ces malheureux en haillons, le teint terreux, les yeux enfoncés dans les orbites et portant un ventre qui fait saillie ! Le paludisme, ici comme ailleurs, est une grave question qui doit préoccuper non seulement le médecin et l'hygiéniste, mais aussi l'administrateur et le sociologue dont la tâche est de veiller à la prospérité et par conséquent à la natalité du pays.

*Annamites.* — Les premiers Annamites venus dans le pays étaient des catholiques emmenés par les missionnaires. Peu à peu, leur nombre s'augmentait non seulement de catholiques mais aussi de bouddhistes. Actuellement, à côté des villages catholiques, on voit des groupements de bouddhistes assez importants. Au point de vue de vie régionale, il y a des gens de toutes catégories : agriculteurs, ouvriers, coolies, et même de profession libérale, médecins, sorciers, etc. Mais l'occupation la plus intéressante est le commerce. L'Annamite fait du commerce avec le Moï et voici comment : il s'informe de ce dont le sauvage a besoin, va le chercher dans le delta et revient lui offrir l'objet désiré. Ainsi, il lui vend du sel, des jarres, des gongs en cuivre, des marmites, en échange desquels le Moï lui cède des peaux, des cornes de cerf, du sésame, du bétail. Remar-

mais muỗi tức là loài truyền - nhiễm bệnh sốt-rét. Chính ở tại thành-phố Kontum, vì cây-cối đã chặt - phát đi nhiều, nên chi bệnh ấy sát h với các xứ khác trong tỉnh cũng ít. Ở Kontum, mấy nhà tây và nhà nam, biết ăn ở sạch - sẽ, ít khi mắc phải sốt-rét. Nhưng không phải ai cũng ở tại thành-phố, lại ai cũng đủ được tư-cách vệ - sinh, nói phỏng thế như bọn dài-phu, lưu-dân, ở Trung-kỳ đã phải cực-khổ trăm đường mới mò đến được trong tỉnh Kontum để kiếm ăn : áo quần rách-rưới, nước-da vàng khè, mắt thóp bụng trướng, trông thấy mà thảm ! Bệnh sốt-rét ở tỉnh Kontum cũng như các xứ khác, thiệt là một vấn-đề quan-trọng, chẳng những các nhà y-học vệ-sinh-học phải chú-ý đến mà thôi, các nhà xã-hội học, chánh-trị-học cũng nên chú-ý đến nữa, vì xã-hội-học, chánh-trị-học, tồn-chỉ ở nơi sự thịnh-vượng trong xứ, mà trong xứ ít đau ốm nhiều sanh-sản mới thịnh-vượng được vậy.

*Người An-Nam.* — Khi hai ông cố lên giảng đạo ở Kontum trước, có mấy người An-Nam có đạo theo lên : mấy người ấy là thủy-tổ dân An-Nam tỉnh Kontum ngày nay. Dần-dần một ngày một đông, vì sau lại người đạo người lương chi cũng theo lên. Hiện bây giờ, trong tỉnh có cả làng bên đạo cả làng bên lương. Nói về cách sinh-nghiệp, trong tỉnh Kontum nghề chi cũng có : kẻ làm nông, người làm thợ, chú làm cu-li, hạng sang như thầy thuốc, phù-thủy cũng có. Nhưng cách sinh-nghiệp có lý-thú hơn cả là cách buôn-bán. Người An-Nam hay buôn bán với Mọi, mà buôn-bán cách thế này : Họ hỏi xem Mọi ưng những gì rồi họ trở xuống Hạ-châu mua lên để bán cho Mọi. Thường-thường họ đem muối, độc-bình, phóng la, nôi, dôi cho Mọi để lấy da, gạc hươu, mè, trâu bò. Người

quable antiquaire, le Moï aime aussi les vieux objets et paie volontiers à des prix très élevés des jarres que les Annamites estiment pour rien. De nature très superstitieuse, ses relations commerciales sont forcément entichées de superstitions : tel vase, par exemple, n'a de valeur que s'il est habité par telle divinité ! L'Annamite, lui, connaissant parfaitement cet état d'âme du Moï, sait le mettre à profit en faisant semblant de croire à ses divinités. De là cette facilité d'entente entre eux. Une fois possédant la confiance du Moï, l'Annamite va chez lui comme dans sa propre maison, y est reçu comme ami et y contracte souvent des liens de parenté.

*Moïs.* — Le Moï vit par village. Chaque village est dirigé par un chef dont la principale fonction est de juger les différends et de mettre le coupable à l'amende, seul moyen de punition chez cette peuplade. L'attribution de chef n'est pas héréditaire, mais revient le plus souvent à celui qui est le plus beau parleur et le plus malin. En général, le Moï, mis à l'amende, s'exécute ; s'il n'a pas, il emprunte jusqu'à se faire esclave. Toutefois, s'il se croit lésé dans son droit, — et c'est un cas qui n'est pas rare, car les chefs, chez les Moïs comme partout ailleurs, sont toujours enclins à se donner la part la meilleure, — s'il se croit lésé dans son droit, dis-je, volontiers il cherche le moyen de quitter son village pour aller habiter dans un autre. D'autres fois, un Moï qui se sépare de ses villageois est un individu qui, se sentant capable de devenir chef, sort de son rang subalterne et va fonder un nouveau village. Les Moïs essaient comme les abeilles. De là la multiplicité de tribus. — Ainsi, en dehors du village qui est indépendant, aucune hiérarchie, pas de roi, ni de mandarin, ni de chef de canton, rien ! Le point de vue « société moï » est donc pour ainsi dire négatif. Jadis, on parlait beaucoup du roi du feu et du roi de l'eau. Mais ce n'étaient

Mọi lại cũng thích đồ xưa nữa, mà xem đồ xưa cũng giỏi. Nhiều cái độc-bình An-Nam không lấy gì làm quý mà Mọi trả thiệt cao giá. Người Mọi tánh hay mê-tin những sự huyền-hoặc, nên chi buôn-bán cũng lấy sự huyền-hoặc để buôn - bán : phỏng thế như có cái độc-bình muốn mua, để thử xem có thần thiêng ở tại trong không đã, rồi mới mua. Người An-Nam thấy tính Mọi thế cũng giả làm tin quỷ-thần Mọi. Vì thế nên hai bên giao-thiệp với nhau rất ôn-tôn. Khi An-Nam đã được Mọi tin, thời đi lại cũng như bà-con quen-biết, nhiều khi lấy vợ lấy con với Mọi nữa.

*Người Mọi.* — Người Mọi ở từng làng một. Trong mỗi một làng có một ông chủ-làng. Công-việc chủ-làng cốt nhất để xử-kiện và người nào có tội bắt vạ. Mọi chỉ có cách bắt-vạ là cách phạt-tội mà thôi. Thường-thường trong làng người nào miệng-khéo và ăn-ở trém thời làm được chủ-làng, chớ cha không có phép truyền chức cho con. Mọi bị bắt vạ thời đem đồ thế. Nếu nghèo thời đi mượn, mượn không trả được phải đi ở để thế. Nhưng nếu chủ-làng xử không công-bình, — mà sự ấy cũng thường, vì các ông chủ Mọi cũng như các ông chủ các xứ khác, hay tìm kế để dành lại cho mình phần lớn hơn, — thời kẻ bị-vạ cũng sẵn lòng tìm cách bỏ làng ấy để đi ở làng khác. Có khi không việc gì mà Mọi cũng bỏ làng đi : đó là những chú tự nghĩ mình đã khá, không cần ở dưới quyền ai, nên chi bỏ đi để lập một làng khác. Người Mọi hay tản-rác, cách như ong. Vì thế nên mới thành ra nhiều loại. — Xem đó biết, làng nào độc-lập làng ấy, xã-hội không có trật-tự gì, vua cũng không, quan cũng không, chánh-tổng cũng không ! Chữ « xã-hội mọi », nói cho hết lý, không có. Lúc xưa, người ta hay đồn hai ông vua giặc Hỏa-xá Thủy-xá. Nhưng đó

que de vulgaires sorciers qui cherchaient à soulever les Mois contre l'Administration française au moyen d'une légende accréditée comme quoi tout sauvage touché par eux se serait rendu indemne des balles. L'expérience de cette superstition ne tarda pas à leur être funeste et un de ces rois fut bientôt pris et mis en prison à Kontum. Quant aux chefs mois dont j'ai parlé à propos de l'administration, ce sont sans doute des fonctionnaires ayant à peu près les mêmes attributions que les Tri-phủ, Tri-huyện de chez nous. Mais c'est là une nouveauté créée par le Gouvernement du Protectorat et qui n'existait pas autrefois.

Entrons maintenant dans une famille moi, car, somme toute, c'est la famille qui est la base de toute société, même de cette société embryonnaire qu'on voit chez les Mois. Le chef de la maison est le père comme partout ailleurs. (Remarquons en passant que chez les Mois Jarai, il existe un régime de matriarcat et c'est la femme qui est chef de famille). Cependant, dans l'administration de la maison comme dans les affaires du village, celui qui a le plus de considération, c'est toujours celui qui parle le plus fort, et comme la voix baisse à mesure qu'on avance en âge, l'autorité du père s'en va de même à mesure qu'il vieillit.

La vie de famille, très monotone, est souvent distraite par des fêtes. La naissance et le mariage sont des occasions pour se réjouir. Lorsqu'un enfant va naître, on fait venir une sorcière. C'est une sorte de sage-femme qui pratique son art à l'aide des procédés inconnus de la médecine moderne. Quand l'accouchement est normal, elle ne fait rien de particulier. Mais survient-il une complication, c'est toute une gamme de pratiques superstitieuses et de médications étranges. J'ai vu un jour une sorcière faire avaler une tasse d'eau mélangée de cendres à une Moïsesse qui ne put accoucher. La Moï-

là hai anh phù-thủy Mọi, muốn kháng-cự lại cùng Nhà-nước Bảo-hộ, bèn bày ra một chuyện bá-láp nói rằng hai anh ấy mớ đến người nào thời người ấy đem bản cũng không chết. Tin sự huyền-hoặc ấy không bao lâu mà đến hại cho họ, vì được ít lối chi, một « ông vua » ấy phải bị bắt và phải bỏ tù tại Kontum. Trên kia, tôi còn có nói đến các ông chủ Mọi ở Phủ và ở Huyện. Vốn các ông ấy quyền-chức cũng tựa-tựa như các ông Phủ Huyện An-Nam ta thiết. Nhưng đó là một sự « tân-tạo », Nhà-nước lập ra để cho dễ đường chánh-trị, chớ lúc xưa Mọi không có.

Bây giờ ta hãy lấy một nhà Mọi mà xét, vì nhà là cội-rễ xã-hội, mặt như « xã-hội bé-con » Mọi cũng phải thế. Ở Mọi cũng như ở các xứ khác, chủ trong nhà là ông cha. (Nên ghi qua cho biết rằng ở Mọi Jarai, chủ trong nhà là bà-mẹ.) Nhưng trong việc nhà cũng như trong việc làng, to miệng chừng nào thời chừng trọng chừng này, mà vì càng cao tuổi càng yếu tiếng, nên chi ông cha càng già, quyền lại kém bớt đi vậy.

Trong nhà thường - thường vô-sự, nhưng thỉnh-thoảng lại ăn-mừng. Đám-cưới sinh-con đều là những dịp để uống rượu. Khi trong nhà có người sắp đẻ, họ mời đến một bà phù-thủy. Bà phù-thủy ấy cũng thế như bà-mụ, nhưng bà-mụ này dùng những cách dễ y-khoa Thái-tây ngày nay không biết ! Khi đẻ thường thời bà-mụ không làm gì lạ. Nhưng nếu có việc gì biến-trở, thôi, nào làm phép, nào uống lá, huyền-thiên ! Một lần mắt tôi có thấy một người đàn bà Mọi bí - đề phải bà-mụ bắt uống một bát nước trộn với tro. Đàn-bà Mọi, phần nhiều

sesse, en général de constitution robuste, ne fait pas de longues couches. Sauf en cas de maladie, elle sort pour aller au travail trois jours après ses couches et le plus souvent avec son bébé. Né, celui-ci n'a pas encore d'âme. C'est pourquoi, huit jours après sa naissance, la famille doit inviter de nouveau la sorcière qui vient souffler dans l'oreille du nouveau-né pour lui donner ses facultés spirituelles. Il y a alors grande fête dans la maison pour remercier la sage-femme et se réjouir des heureuses couches. Si cependant par malheur apparaît un arc-en-ciel le jour de l'accouchement, c'est une âme errante et méchante morte de mauvaise mort, dit-on, qui vient dans la famille pour se venger; rien d'étonnant alors si l'accouchée meurt en cette circonstance.

Quant à l'enfant, il n'est l'objet d'aucun soin sérieux. De très bon matin, le prenant par le bras droit pour le jeter sur son dos où elle le retient à l'aide d'une couverture nouée devant la poitrine, la maman fait le ménage, pile du riz ou va aux champs pendant que le bébé s'endort, rudement bercé par les cadences de va-et-vient. Au moins une fois par jour, la maman va à l'eau, le dos chargé d'une hotte remplie de gourdes. L'enfant alors a changé de place : il est sur le devant. Et sous la douche de la fontaine, la mère et l'enfant prennent leur bain quotidien.

Resté en costume d'Adam jusqu'à l'âge de 5 ou 6 ans, le petit sauvage ne s'habille qu'assez tard. Son vêtement consiste alors en un langousti destiné à ne couvrir que l'indispensable. Ce n'est pas très joli, mais c'est léger; et habitué à cette sorte de costume de sport, le petit sauvage, svelte dans sa tenue, ne veut plus le quitter et trouve toujours insupportable le pantalon qu'on essaie de lui faire accepter. Quant à la petite fille, elle commence vers le même âge à se vêtir d'une petite couverture qu'elle noue autour des reins. Devenu grand, outre le simple langousti qu'il porte

súc mạnh-mẽ, nên chi nằm-bếp không lâu. Nếu không phải bệnh-hoạn gì, nội trong ba ngày đã ra vào làm việc như thường, mà ra vào như thể nhiều khi cũng mang con theo. Còn con thoi mới đẻ ra chưa có hồn, nên chỉ được tám ngày lại phải mời lại Bà-mụ đết, thồi vào lổ-tai nó để « thông hồn » cho nó. Nhân dịp ấy, cả nhà vác vò ra uống rượu, trước để cảm ơn Bà-mụ, sau để mừng sự đẻ con đã an-hảo. Nhưng nếu không may, chính giữa ngày đẻ mà trên trời có mống mọc, thế là có một linh-hồn oan-nghiệp, — linh-hồn « bắt đắc kỳ tử », — thơ-thần đến đẻ phá trong nhà. Như vậy mà người nằm-bếp phải chết thoi chẳng có gì làm lạ.

Mọi không chăm - sóc con mấy tí. Sáng mới tung-bưng, người mẹ đã dậy. Nằm tay mặt thẳng-bé xách nó lên, vát nó ra sau lưng, lấy cái chân quàng lấy nó rồi thắt ngang ra trước ngực, xong, mẹ dọn nhà-cửa, giã-gạo, đi làm « rây », còn con nằm sau lưng, cũng êm, nên ngủ như thường. It cũng một ngày một lần, hai mẹ con đi đến « vọt-nước » để tắm. Khi đi tắm, thoi con mang ra trước, gùi một gùi bầu ra sau lưng.

Trẻ-con Mọi ở trường, đến 5-6 tuổi mới mặc áo. Mặc áo chỉ đóng cái khố vừa đủ che nơi kín thôi. Ăn-mặc thế, không đẹp thiệt, nhưng không đẹp mà nhẹ-nhàng gọn-gàng, nên chi đóng khố quen, có cho nó quần nó cũng không chịu mặc. Còn trẻ gái thoi đến 5-6 tuổi cũng mặc áo, mặc áo chỉ lấy cái chần nhỏ vấn xung-quanh hông. Khố là áo-quần ngày thường. Khi có đám-đình, Mọi lớn tuổi lại còn có đồ lễ để mặc nữa. Đồ-lễ mọi gồm một cái áo cụt xanh nẹp đỏ, một cái khố màu, đôi ba chuỗi ốc để treo cổ, và một

les jours ordinaires, le Moi possède encore une tenue pour les jours de fête. Ce costume de gala se compose d'un petit paletot bleu avec liseré rouge, d'un langousti de couleur, des coquillages blancs pour le cou et d'un turban rouge pour la tête. Quant à la Moïesse, ses atours consistent en un habit décolleté, une jupe brodée assez longue, une couverture blanche ou gris-bleu qu'elle jette sur ses épaules.

Arrivés à l'âge nubile, jeunes gens et jeunes filles se font limer les dents. C'est une opération douloureuse, mais qui refuserait d'y passer serait jugé comme poltron et risquerait d'avoir des difficultés pour le mariage. Pour eux, les dents limées sont une beauté exactement comme les dents laquées chez nous.

Arrivent maintenant les fiançailles. Pour cela, il y a des entremetteurs ou entremetteuses chargés d'en nouer les négociations. Cela se passe à la jarre de vin de riz ou de maïs où l'on réunit les deux jeunes personnes appelées à s'unir et qui s'échangent des colliers en signe de consentement. Après les fiançailles, vient le mariage qui, pour être reconnu publiquement, doit être célébré devant le chef du village. Autrefois, les mariages ne se faisaient qu'entre jeunes gens et jeunes filles d'un même village. De nos jours, on en voit qui se font entre tribus différentes.

Marié, le Moi acquiert de ce fait une situation personnelle. C'est alors qu'il doit s'occuper sérieusement des travaux des champs. Dès Janvier, il va dans une forêt, circonscrit un morceau de terrain dont il fait son « rây », en coupe tous les arbres qu'il laisse sécher, et par une journée brûlante de février ou de mars, y met le feu.

Aux premières pluies, à l'aide d'un baton pointu, il fait de petits trous sur ce terrain plein de cendres et y sème son riz. Le riz pousse alors plus ou moins bien, et s'il est envahi par l'herbe, le Moi l'enlève à l'aide d'une piochette de fabrication tout-à-fait primitive. Quand le riz est mûr, il le

cái khăn đỏ để chít đầu. Còn Mọi đàn bà, ngày lễ mặc một cái áo cụt hở cổ, một cái váy hơi dài và một cái khăn trắng hay xám để choàng qua vai.

Khi đã lớn tuổi, con - trai, con - gái, đều cưa răng cả. Cách cưa răng đau thiệt, nhưng ai cũng phải làm, vì nếu không làm, người ta chê là nhát-gan và lại khó lấy vợ khó lấy chồng. Mọi có răng-cưa mới đẹp cũng như ta có tục nhuộm-răng vậy.

Hỏi vợ, giạm chồng, thời có người làm mối. Mối-lái đầu đó xong, hai bên gái trai họp lại nhậm-rượu một bữa, đổi vòng cho nhau, thế là yên. Hỏi đám xong, thời cưới. Cưới phải có chủ-làng làm chứng, vì như thế trong làng bà-con làng-diềng mới nhận cho là thành. Lúc xưa, chỉ lấy nhau trong làng. Nay đôi khi có đám cưới loại này lấy loại khác.

Có vợ rồi, tức phải lo cho phần riêng mình. Khi ấy mới ra công làm ruộng riết. Vào khoảng tháng giêng tây, anh Mọi vào rừng, tìm một đám đất, chặt cây xuống, để cho khô, chờ sang tháng hai tháng ba tây trời còn nắng, đem lửa đốt, rồi rào qua-qua lại, thế là nên một tằm « rây ». Qua đến mùa mưa, khi trời đã mưa ít chò, anh Mọi vác một cái cây nhọn đều, chọc vào trên tằm rây ấy cho thành ra lỗ nhỏ rồi vãi lúa vào đó. Lúa mọc lên, nếu bị cỏ phá, anh Mọi đem một cái búa nhỏ hình-đũa thiệt sơ-lược để nhổ cỏ. Lúa chín, anh Mọi lấy tay

cueille à la main et le jette dans une hotte qu'il porte derrière le dos. La hotte remplie, il rentre au village avec le produit de sa récolte qu'il entasse ensuite dans son grenier. — Le Moï procède de même pour son jardin. Il y bâtit alors une hutte qu'il habite avec sa compagne. Autour de la hutte, il plante du maïs, des bananiers, des citrouilles, des courges, des haricots, etc.

Le Moï est de nature très superstitieuse, l'avons-nous dit. Si pour un rien il fête, pour un rien aussi il sacrifie. Croit-il à un dieu créateur ? C'est bien difficile de préciser. — Quoiqu'il en soit, de toutes les divinités auxquelles il croit, il semble que c'est le dieu du Tonnerre qui soit le plus puissant. Il n'ose jamais l'invoquer, sauf le cas où la foudre est tombée sur une maison. Le sorcier est alors chargé de demander grâce pour la famille à la terrible divinité en lui disant la faute qui a provoqué ce chatiment, et cette faute est le plus souvent la non-observance d'un rite prescrit. S'interdire de mélanger du riz de l'an passé avec du nouveau riz, s'interdire de vendre du produit de la nouvelle récolte avant le sacrifice de la moisson, sacrifier un buffle à l'époque des semailles, etc, etc, sont autant de rites que le sauvage est tenu d'observer rigoureusement au risque de se voir attribuer des malheurs. Si par malchance il survient un désastre dans une maison ou dans le village, on doit encore avoir recours à un sorcier ou une sorcière. Le sorcier, — et la sorcière de même, — est le tout puissant du village. C'est lui qui instruit l'origine des malheurs, va à la recherche des âmes des malades parties se promener en des régions bien lointaines, décide un changement d'emplacement pour le village dont l'ancien est devenu maudit, seul enfin peut parler directement aux divinités pour le peuple. On peut se demander alors comment un vulgaire Moï peut parvenir à avoir la vocation et la puissance d'un sorcier. D'une façon générale, comme

tuốt lúa, bỏ vào gùi. Đầy gùi, lại trở về, đổ lúa vào kho-lúa. — Muốn làm vườn, Mọi cũng làm cách ấy. Giữa vườn làm một cái chòi để hai vợ chồng ở. Xung-quanh chòi trồng bắp, chuối, bầu, bí, đậu, vãn-vãn.

Trên kia tôi có nói : người Mọi tin mê ma-quỉ lắm. Quả thế thiệt. Nên một chút chi cũng uống rượu mừng, một chút chi cũng chém trâu cúng. Người Mọi có tưởng-tượng đến một đấng Tạo-thiên lập-dịa hay không, sự ấy khó biết. Song, Quỉ-thần họ tin thời nhiều, nhưng ý dẫu họ trọng vị Thiên-lôi hơn cả. Ngoài sự sét đánh vào nhà, không khi nào họ dám khấn đến vị thần ấy. Nếu có sét đánh vào nhà, người trong nhà phải mời thầy phù-thủy đến cúng để xin thần Thiên-lôi xá tội cho, mà tội ấy thường-thường vì không biết theo lễ. Đùng trợn lúa năm mới với lúa năm cũ, gặt về chưa cúng khoan bán lúa, trước khi cấy phải cúng, vãn-vãn, đều là những lễ phải giữ cẩn-thận, bằng không ắt mắc phải tai-họa. Nhưng nếu không may trong nhà hay trong làng có mắc phải tai-họa gì, thời lại phải mời thầy phù-thủy hay bà phù-thủy đến cúng. Thầy phù-thủy, — mà bà phù-thủy cũng vậy, — thiệt là kẻ hào-cường trong làng, chỉ phù-thủy biết được có gì phải họa, chỉ phù-thủy chữa được bệnh, chỉ phù-thủy xem được đất, để lập làng lại, chỉ phù-thủy cầu thần cho dân - sự được mà thôi ! Vậy một người thường - dân làm sao lên đến được bậc phù-thủy ? Thường-thường phù-thủy Mọi cũng như phù-thủy bên Thái - Tây, thầy nào cũng nói có thần ứng vào trong mình. Có một ngày một anh Mọi chạy vào trong rừng, mê-man một chặp, trở lại làng

les voyants d'Europe, les sorciers Moïs prétendent eux aussi avoir eu des visions spéciales. Un Moï se sauve un jour dans une forêt, tombe dans un état de demi-conscience, revient au village raconter des choses extraordinaires qu'il a vues en songe et devient . . . sorcier. Les sorciers moïs sont-ils de bonne foi ? Bien qu'ils soient très vulgaires, je crois qu'ils n'en méritent pas moins l'attention des savants de la science métapsychique ; les faits étudiés par ceux-ci sont sans doute d'un degré beaucoup plus compliqué, mais leur origine ne doit pas être plus mystérieuse que celle des pratiques des sorciers con vaincus de Kontum.

Disons un mot sur les dialectes moïs. En raison de la multiplicité des tribus, il y a un grand nombre de dialectes. On peut cependant les ramener à 3 principaux types : le banhar, le jarai et le rongao. Ces dialectes sont très diversement répartis sur tout le territoire de la Province et la détermination de leurs localisations est tâche bien difficile. Pour être clair, prenons comme point de départ le mont Hơdrong situé à peu près au centre du plateau. En partant de ce point, on peut dire que le banhar est parlé dans toutes les régions situées au nord et à l'est du plateau, tandis que le jarai est le dialecte du centre, du sud et du sud-ouest. Quant au rongao, c'est le dialecte des régions de l'ouest. A Kontum qui est situé au nord du mont Hơdrong, c'est donc le banhar qui est en usage.

*Richesses de la Province. — Tourisme.* — Dans un pays où la nature est entièrement abandonnée à elle-même depuis la création et qui n'a jamais été pour ainsi dire exploitée, il doit y avoir nécessairement des richesses innombrables et inestimables. Citons les richesses forestières, les gisements houillers ou métalliques, les pâturages et les sources thermales. On trouve dans les forêts de la province de Kontum plusieurs sortes de bois précieux : le bois de fer, le bois de rose, le

thuat những chuyện mộng-bảo kỳ-dị, rồi... thành phù - thủy. Các thầy phù-thủy Mọi có thiết thành-tâm cả hay không, tôi không dám biết, nhưng tôi trộm tưởng chắc cũng có thầy thành-tâm, mà mấy chuyện kỳ-dị của các thầy thành-tâm đó, các nhà khảo-cứu vấn-đề « linh-tính - học » ở Thái-Tây ngày nay cũng nêu chủ - ý đến, vì chuyện kỳ-dị bên Thái-tây tuy kỳ-dị hơn nhiều, song căn-nguyên cũng một mà thôi vậy.

Tiếng nói của Mọi trong tỉnh Kontum nhiều thứ lắm, mà nhiều là vì Mọi có nhiều loại. Nhưng chỉ có ba thứ chính là tiếng banhar, tiếng Jarai và tiếng rongao. Ba thứ tiếng ấy nói rải-rác ra cả trong tỉnh, nên chi định xứ nào nói tiếng nào, thiết là khó. Muốn cho dễ hiểu, hãy lấy hòn núi Hơdrong, là nơi ở lưng-chùng vào giữa tỉnh, để làm nơi khởi-đoan. Nếu lấy hòn núi ấy làm khởi-đoan, thì có thể nói rằng: những xứ ở phía bắc và phía đông nói tiếng Banhar, những xứ ở xung quanh núi, ở phía nam và phía tây-nam nói tiếng Jarai, những xứ ở về phía tây nói tiếng Rongao. Kontum, vì ở về phía bắc, nên đó nói tiếng Banhar.

*Sản-vật. — Du-lich.* — Một xứ như tỉnh Kontum xưa nay bỏ hoang chưa ai khai-khẩn đến, chắc lẽ phải có nhiều sản-vật quý. Gỗ, mỏ, đồng cỏ và suối nước nóng (ôn-toàn) là những sản-lợi chính. Tỉnh Kontum có những thứ gỗ này : lim, ván-hương, trắc, sao, gỗ, vân-vân. Mỏ thì có mỏ sắt, mỏ vàng, mỏ than. Cách Kontum chừng 20 cây-số, mọi Sédang có lấy gần trên mặt đất được một thứ sắt để làm búa, rựa, rồi bán lại cho Mọi các

trắc, le sao, le gô, etc. Comme mines, on peut citer le fer, l'or, et le charbon, et à 20 km. environ de Kontum, dans les régions Sédang, les Mois exploitent presque à fleur de terre du fer avec lequel ils fabriquent des piochettes et des couteaux qu'ils vendent ensuite aux sauvages des autres tribus. Pour ce qui est de l'or, on se rappelle qu'au temps où les Mois de Kontum dépendaient encore des Laotiens, ceux-ci leur faisaient payer un tribut en or. C'était de l'or extrait des rives du *Po-kô*, une petite rivière qui se jette dans le *Bla*. Quant au charbon, il en existe des gisements importants dans les massifs montagneux du versant laotien de la Province. Un peu partout, on trouve encore plusieurs sources thermales et des pâturages immenses que les habitants de la province utilisent excellemment pour l'élevage.

La province de Kontum n'a pas seulement des richesses qui tentent les explorateurs les plus difficiles, elle peut encore offrir aux touristes désabusés des agréments divers. On peut citer à ce point de vue la chute de *Da-ly* et la chasse. Située à une trentaine de kilomètres de Kontum, la chute de *Da-ly* mesure environ une quarantaine de mètres de hauteur. C'est une rare beauté qu'on admire surtout pendant la saison des pluies. Quant à la chasse, il existe toutes sortes de gibier, depuis la vulgaire tortue jusqu'au rhinocéros. Si quelqu'un est bon chasseur, — même s'il n'est pas bon chasseur et qu'il veuille chasser, — il sera toujours satisfait en chassant dans les environs de Kontum.

*Influence française dans la Province.* — Les premiers Européens venus dans le Pays étaient deux missionnaires catholiques, les R. P. Combes et Fontaine. Envoyés par Mgr. Cuénot, ils vinrent s'établir près du village de Kontum en 1850. Bientôt, ils furent suivis par d'autres missionnaires qui allèrent se disperser sur tout le territoire de la province pour porter aux sauvages la bonne parole de l'Évangile.

xứ khác. Còn vàng thì hai bên bờ sông *Po-kô* (sông con của sông *Bla*) có; xưa lúc Mọi lĩnh *Kontum* còn thống-thuộc về Lào, người Lào có bắt cống vàng, đó là vàng nơi ấy lấy ra. Than thì trong các dãy núi miền trở về Lào có nhiều mỏ. Trong tỉnh lại nhiều nơi có những suối nước-nóng và những bãi cỏ lớn, nhân-dân dùng để nuôi trâu bò tốt lắm.

Tỉnh *Kontum* chẳng những nhiều sản-lợi qui khá thỏa chí cho những nhà muốn khai-khẩn to mà thôi, tỉnh *Kontum* lại còn nhiều cảnh-thú, dầu kẻ du-lich đã sành - sỏi bao nhiêu cũng được đẹp lòng. Chỉ nói thác *Da-ly* và sự săn bắn là đủ. Thác *Da-ly* ở gần thành-phố *Kontum* chừng 30 cây-số, và bề cao có 40 thước-tây. Thác ấy đẹp lạ nhất là về mùa mưa. Còn chim muông để săn bắn, thời từ bờ-câu cho đến tê-nghu chi cũng có. Ai bắn giỏi, — nếu không giỏi mà muốn bắn cũng được, — đi săn ở mấy xứ lân-cận *Kontum* thế nào cũng khoái-chi vậy.

*Địa-vị người Pháp ở trong Tỉnh.* — Người Pháp lên Tỉnh *Kontum* trước nhất là hai ông cố đạo, CỐ COMBES và CỐ FONTAINE. Đức giám-mục CUÉNOT sai hai cố ấy lên Mọi trong năm 1850. Hai cố ấy lên ở gần làng *Kontum*. Không bao lâu các cố khác theo lên để giảng đạo cho Mọi. Bây giờ cả thầy có 15 cố-tây và 7 cha An-Nam thống-thuộc về một cố bề-trên. Từ năm 1908 đến

Actuellement, ils sont au nombre de 15 placés sous la direction d'un supérieur qui a encore sous ses ordres 7 prêtres annamites. La mission catholique dispose en outre depuis 1908 d'un collège de catéchistes mois, et à l'ombre du clocher de l'Eglise, les sauvages se sont considérablement améliorés tant au point de vue moral qu'intellectuel et l'on en compte à l'heure actuelle plus de quinze mille convertis.

Quant à l'Administration française, c'est en 1885 qu'elle commença à s'occuper de la pacification du Pays en y envoyant le consul Navelle. Depuis cette date, bien des missions et délégations avaient passé dans la province avant la constitution définitive de Kontum en province en 1913, date à laquelle le premier mandarin annamite y fut envoyé. Actuellement, l'Administration développe et civilise le Pays par des travaux de routes, l'Assistance médicale et l'Ecole. Des routes praticables en auto relient déjà le chef lieu aux centres secondaires et aux provinces voisines, Binh-dinh et Banmêthuôt. Des travaux en projet ou en exécution permettent d'envisager un avenir économique certain. Au point de vue médical, le Moi sait vite apprécier l'efficacité et la supériorité de la médecine française et le nombre de consultants et d'hospitalisés augmente à vue d'œil. Quant à l'Ecole, elle a déjà fait ses preuves en voyant deux de ses élèves mois reçus à l'examen du certificat d'études primaires en Juin 1922.

*Conclusion.* — La province de Kontum, avec son climat si excellent, ses autochtones si intéressants, ses richesses si inestimables et ses agréments si divers, doit mériter l'attention et la sympathie de tout le monde. Souvent, on a l'idée qu'on s'exile en se rendant à Kontum. Cette idée est une erreur, un préjugé. Ces quelques notes auront, je l'espère, l'avantage de donner au lecteur qui les aura parcourues une opinion plus exacte et par conséquent plus juste de ce beau pays.

nay, Bản-đạo lại có lập một nhà trường để tập các thầy giảng người Mọi. Nhờ các cố các cha dạy-dỗ, nên chi về đường luân-lý tinh-thần, người Mọi cũng khác nhiều. Hiện nay có quá một vạn rưởi Mọi có đạo.

Còn Nhà-nước Bảo-hộ, thời năm 1885 đã cử ông lãnh-sự NAVELLE lên để cai-trị trong xứ. Từ năm ấy cho đến năm 1913 tại còn có nhiều quan tây khác lên nữa. Nhưng thiết chính năm 1913 mới lập xứ *Kontum* thành và mới có quan An-Nam lên cai-trị.

Hiện bây giờ, Nhà-nước làm đường-sá, lập nhà-thương và mở trường-học để khai-hóa trong Tỉnh. Đã có đường đi xe-hơi từ thành-phố *Kontum* cho đến các đồn và sang *Banmêthuôt* xuống Binh-dinh. Còn nhiều đường hoặc đường làm hoặc đường trụ, chắc tương-lai buôn-bán mở-mang được to. Về việc thuốc, người Mọi mau biết tin dùng thuốc tây lắm. Ở Nhà thương, Mọi đến xin thuốc hay xin dưỡng-bệnh một ngày một nhiều. Còn Trường-học thời sự ích-lợi đã rõ rồi, vì thi sơ-học tháng sáu tây năm ngoái đã có hai người học-trò Mọi đậu.

*Tổng-luận.* — Một tỉnh mà khi-hậu tốt như thế, dân-sự vui như thế, sản-hóa quý như thế, cảnh-thú nhiều như thế, ai cũng nên biết, ai cũng nên mến. Nhiều người đi lên *Kontum* tưởng như đi đày. Tưởng thế lắm, lại là một cách tưởng in-trí. Tôi trông rằng : Độc-giả xem qua bài lịch-lự này biết rõ và đừng tỉnh *Kontum* hơn.

... Quant à moi, maintenant que j'ai fini d'écrire ces pages, ma pensée se reporte vers ces heures vécues où, simple chercheur de curiosités inédites, je parcourais des forêts encore vierges de toute destruction humaine, et j'éprouve une nostalgie indicible en me disant combien sont futiles les basses préoccupations de la vanité en présence de cette nature grandiose qui garde encore intacte l'empreinte de l'Infini. . . .

T. D. N.

... Còn phần riêng tôi, viết mấy trang giấy này xong vừa đặt bút xuống, hồi - tưởng đến những lúc một mình thò-mò tìm-nã trong rừng-xanh, lấy những sự tuế-toái giữa vòng âm-no vui-thú mà sánh với cảnh thiên-nhiên vô-cùng của vũ-trụ, thời khiến cho tấm lòng chứa-chan đầy một nỗi cảm-tinh vô-hạn vậy. . . .

Tác-giả tự dịch

## Un bréviaire colonial

(À propos des « Quelques conférences à Paris » de Monsieur PHẠM QUỲNH)  
Lời bình-phẩm về sách « Mấy bài diễn-thuyết ở Paris » (1)

Sous ce titre : « Un bréviaire colonial », le journal France-Indochine, si connu et si apprécié de tous les Annamites lisant le français, a publié dans son numéro du 1<sup>er</sup> Septembre 1923 un article sur le nouveau recueil de conférences de M. PHẠM QUỲNH. Cet article est signé SÉRÉNU, pseudonyme qui cache, croyons-nous, la personnalité d'un des membres les plus distingués de l'Enseignement au Tonkin. Il contient des appréciations vraiment trop élogieuses pour notre Directeur dont la modestie se trouve, en la circonstance, soumise à une rude épreuve. Nous aurions hésité à le reproduire, si nous n'avions estimé que ces appréciations, quelque flatteuses qu'elles soient pour M. PHẠM QUỲNH, dépassent la personnalité de ce dernier et s'adressent au peuple annamite tout entier; qu'elles constituent, de la part d'un éminent représentant de l'intelligence française en ce pays, un acte de foi dans les possibilités intellectuelles de la race annamite, dans les heureux résultats de l'éducation française et dans l'avenir de cette amitié franco-annamite que de part et d'autre souhaitent avec la même ardeur tous les hommes de cœur et tous les esprits élevés. Ce haut témoignage d'une personnalité française, peut-être encore qu'en-tâché d'une trop grande indulgence, d'une trop grande bienveillance à notre égard, honore profondément nos compatriotes, et nous sommes sûrs d'être l'interprète de tous nos lecteurs en adressant à l'éminent auteur de l'article que nous reproduisons et au sympathique journal qui l'a publié, nos bien sincères et bien vifs remerciements.

NAM-PHONG

(1) Báo *France Indochine* là một tờ báo tây có giá-trị ở Bắc-kỳ, mới rồi có đăng một bài xã-thuyết ký là SÉRÉNU, nghe đâu là biệt-hiệu của một quan giáo tây có danh-giá ở Hà-nội. Bài ấy bình-phẩm quyền « Mấy bài diễn-thuyết ở Paris » của tôi, có nhiều lời quá khen, tôi tự xét thật không xứng-dáng chút nào. Tôi cũng ngần-ngại không muốn lưc-dăng bài ấy ra đây, nhưng nghĩ rằng lời khen của một vị qui-quan ấy không một là khen riêng một mình tôi, mà có ý khen cả dân-tộc Việt Nam ta, tưởng cũng nên in lại và dịch ra để công-đồng-lãm. Người qui-quốc đã có người yêu trọng người nước ta như thế, không cho là một « dân-tộc trẻ con » nữa, mà cho là cũng có người có tư-cách xứng-dáng, có thể sánh vai giao - tiếp được với mình, thời cái chính-sách « Pháp-Việt đề-huê » kia, cái chủ-nghĩa « Tây-Nam đăc-bằng » kia, có lẽ có ngày thực-hành được chăng ? Kể tri-thức trong nước ta, chắc ai cũng lấy làm mong-mỏi vậy. Về phần riêng tôi, thì tôi xin có lời thành-thực cảm ơn vị qui-quan nào chưa từng biết tôi bao giờ mà có bụng yêu tôi như thế, quá khen tôi bằng những lời vàng ngọc qui-hóa như thế. P. Q.

Je n'avais pas encore l'honneur de connaître M. PHẠM QUỲNH, quand il y a quelques jours, j'ouvris par hasard un petit livre intitulé « *Quelques conférences à Paris, — Mai - juillet 1922 — avec traduction annamite* », ou plutôt, je ne l'ouvris pas tout de suite, car, étant fort paresseux de nature et peu enclin (et pour cause) à dévorer des recueils de conférences, je ne l'aurais certainement pas ouvert si je n'avais pu lire sur la couverture elle-même les titres des différentes conférences. Ces titres m'alléchèrent considérablement :

I — L'évolution intellectuelle et morale des Annamites.

II — La poésie annamite.

III — L'évolution de la langue annamite.

IV — Un problème d'éducation des races.

V — L'évolution annamite et le rôle de l'A. F. I. M. A.

J'ouvris donc alors le volume ; dès les premières lignes je fus frappé de la correction et de l'élégance même de la langue. Je veux parler ici de la traduction française, car je dois avouer que je n'ai pas encore appris la langue annamite. Les qualités de clarté, de composition, de franchise du fond même des conférences ne me charmèrent pas moins que les mérites de la forme. Il faut se reporter aux causeries d'un JULES LEMAITRE ou d'un EMILE BOUTROUX pour trouver autant de clarté jointe à autant de science, autant d'agrément uni à autant de profondeur de pensée, autant de tact allié à autant de franchise et d'indépendance hardie.

Tôi chưa được cái danh-dự biết ông PHẠM QUỲNH, cách mấy bữa nay tôi mới tinh-cờ mở xem một quyển sách nhỏ đề là « *Mấy bài diễn-thuyết ở Paris, — tháng năm - tháng bảy năm 1922 — có dịch ra quốc-ngữ* » ; nói rằng mở xem thì cũng chưa đúng hẳn, vì tôi không có mở xem ngay, bởi vì tính tôi vốn lười, xưa nay vốn không ham đọc những sách diễn-thuyết (mà không phải là vô-cổ), giá không đọc thấy ở ngoài bia những tên mấy bài diễn-thuyết thì chắc hẳn cũng không mở ra xem làm gì. Coi mấy cái nhan-đề ấy, tôi lấy làm hứng-thú lắm, xin kể ra như sau này :

1' Nói về sự tiến-hóa về trí-thức và tinh-thần của người An-Nam.

2' Nói về thi-ca nước Nam.

3' Nói về sự tiến-hóa tiếng An-Nam.

4' Nói về một vấn-đề dân-tộc-giáo-dục.

5' Nói về sự tiến-hóa dân An-Nam và cái nhiệm-vụ của Hội Khai-trí.

Bấy giờ tôi mới mở sách ra xem ; mới đọc mấy dòng đầu đã lấy làm lạ thấy lời văn thật là đặc-thể mà lại hoa-mĩ nữa. Đây là tôi nói lời văn tây, chứ tôi xin thú thật rằng tôi chưa học tiếng An-Nam. Hình - thức câu văn, tôi đã lấy làm thích, xem đến cái thể-tài bài diễn-thuyết, lời-lẽ sáng-sủa, kết-cấu khôn-khéo, giọng nói thành-thực, tôi lại lấy làm ưa nữa. Phải đọc lại những bài diễn-thuyết của các bậc danh-su như ông JULES LEMAITRE, ông EMILE BOUTROUX, mới thấy gồm được bấy nhiêu cái tư-cách đặc-biệt như thế : vừa minh-bạch mà lại vừa uẩn-súc, vừa phong-thú mà lại vừa thâm-trầm, vừa thành-thực khảng-khái mà lại vừa khéo-léo khôn-ngoa.

Et j'osai interrompre ma lecture quelques secondes pour méditer sur l'étrange ressemblance de cette grande intelligence annamite avec nos grandes intelligences françaises. Tous les hommes, en vérité, qu'ils soient les sous le ciel de l'Orient ou sous le ciel de l'Occident, ont un esprit de même nature, et une raison commune. C'est pourquoi l'Orient et l'Occident ne peuvent que trouver du profit à se connaître, à s'aimer, à s'instruire réciproquement. L'esprit de M. PHẠM QUỲNH est de la même trempe que celui des hommes supérieurs de chez nous : l'esprit n'a pas de patrie ; un grand cerveau français d'artiste ou d'écrivain règne sur toutes les contrées de la terre ; un grand cerveau annamite séduit et convainc les Bretons et les Provençaux, — et même les Parisiens — tout aussi bien que les lettrés de Nam-dịnh ou de Hải-duong... Bref, je lus le livre de M. PHẠM QUỲNH dans un ravissement ininterrompu, — je lus et je fus éclairé sur une foule de graves problèmes qui m'obsédaient depuis mon arrivée en Indochine. J'avais bien posé de nombreuses questions à d'anciens coloniaux, à des gens que je supposais mieux renseignés ou plus expérimentés que moi. Mais leurs réponses ne me satisfaisaient que bien rarement ; je sentais confusément qu'ils se trompaient ; et le plus souvent, je voyais clairement qu'ils ne connaissaient pas grand' chose.

Demandais-je à un interlocuteur : « Enfin, que pensent-ils de nous, ces Annamites, qu'attendent-ils de nous ? Comment supportent-ils notre Protectorat ? — Ils le subissent parce qu'ils ne peuvent pas faire autrement, me répondait-on ; ils nous détestent cor-

Tôi đương đọc, phải dừng lại mấy giây đồng-hồ, mà ngẫm-ngĩ về cái sự lạ này : người này là một bậc đại-trí nước An-Nam, sao mà giống với các bậc đại-trí nước Pháp ta như thế ? Cứ thực thì hết thấy người ta, dù là sinh ra ở Tây-phương hay ở Đông-thổ, cũng là « cùng một nhân-tâm ấy, há có thiên-lý nào. » Bởi thế nên Đông-phương với Tây-phương càng quen biết nhau, càng thân-yêu nhau, càng học lẫn nhau, thời càng có ích-lợi. Cái trí-thức ông Phạm Quỳnh cũng là đồng-thể với trí-thức những bậc thượng-lưu-nhân-vật ở bên ta : phạm trí-thức không có riêng của một nước nào ; một bậc đại-trí về mỹ-thuật, về văn-học của nước ta, ảnh-hưởng tới khắp cả các phương trên mặt đất ; một bậc đại-trí của nước Nam cũng có sức cảm được những người ở tận đất *Bretagne* hay đất *Provence*, — mà cả đến người ở kinh-thành *Paris* nữa, — cũng như là cảm những kẻ trí-thức ở Nam-dịnh hay ở Hải-duong vậy... Nói tóm lại thời tôi đọc quyển sách của ông PHẠM QUỲNH, càng đọc càng thấy hứng-thú, không dứt một lúc nào, — đọc xong rồi thời thấy hiểu rõ về vô-số những vấn-đề quan-hệ mà từ khi sang bên Đông-Pháp đến giờ tôi vẫn băn-khoăn chưa giải được. Tôi đã từng hỏi nhiều lần những người đã ở thuộc-địa lâu năm, những người tôi tưởng là biết hơn tôi, sành hơn tôi. Nhưng nghe các ông ấy trả lời, ít khi tôi được mãn-ý ; tôi phảng-phất biết rằng các ông ấy lằm ; và nhiều khi cũng rõ rằng các ông ấy chẳng biết gì mấy tí.

Tôi có hỏi một ông rằng : « Thời, nói rụt lại thì người An-Nam họ xét mình thế nào ? họ mong gì ở mình ? Họ chịu cái quyền bảo-hộ của mình thế nào ? », thì ông ấy trả lời rằng : « Nó chịu mình là vì nó không làm gì được, chứ ngoài mặt tử-tế mà trong

dialement ; s'ils étaient assez forts, ils nous bouteraient hors avec perte et fracas. » — « Peu consolant, ce que vous me dites là. Moi, qui me proposais de nouer des relations avec d'honorables indigènes » — « Ne vous y fiez pas ! ».

A entendre ces mauvais conseillers, la race d'Annam n'était douée d'aucune qualité et chez eux, la façon la plus honnête de se procurer des piastres, c'était, par manière de larcin, furtivement fait.

— Et la littérature annamite ?

— Inexistante, nulle. Aucune œuvre, ni vers, ni prose, seulement quelques vagues imitations de la Chine, et de maigres chansons populaires dénuées de tout intérêt.

— Vraiment ?

— Mais oui.

— Dommage ! moi qui avais l'intention d'apprendre la langue annamite.

— Vous auriez perdu votre temps !

— Mais eux, parviennent-ils à parler et à comprendre notre langue ?

— Non, ils en sont absolument incapables ; tout ce qu'ils ont l'air de savoir, ils l'ont appris par cœur et ne font que le répéter comme des perroquets, etc...etc...

Et je pourrais multiplier les exemples indéfiniment. Hélas ! combien nombreux sont les Français, même les mieux disposés pour la population annamite, qui n'ont aucune notion du passé historique, de l'idéal moral, des moyens intellectuels et des aspirations politiques de l'Annam !

Ces notions là, indispensables à tout colonial « conscient », on les acquiert précisément, d'une manière agréable et sûre, par la lecture du livre de M.

lông nó ghét mình ngon ; nó mạnh ra thì nó đánh đuổi mình đi hết. » — Tôi nói : « Ông nói thế thì cũng buồn nhỉ. Thế mà tôi sang đây, vẫn rập bụng muốn giao-thiệp với những người danh-giá trong bản-xứ. » — « Ấy chớ có nên tin họ ! »

Cứ như lời những người khuyển bậy ấy, thời giống An-Nam thật không có một tính tốt gì, và cách thật-thà của họ để kiếm tiền ấy, chẳng qua là cách biển, cách « xoay » mà thôi.

Tôi lại hỏi :

— Thế văn-chương An-Nam thế nào ?

— Chẳng có gì cả. Văn-văn, tán-văn, tuyệt-nhiên không có gì hết, chỉ có mấy cuốn sách mơ-hồ phỏng chép của người Tàu, với ít câu ca câu hát cồng con, chẳng có lý-thứ gì.

— Thật thế à ?

— Thật chứ.

— Tiếc quá ! Thế mà tôi định bụng học tiếng An-Nam.

— Có học cũng phí mất thì giờ !

— Nhưng mà chính người họ, họ có nói được, có hiểu được tiếng ta không ?

— Không, chúng nó hiểu sao được, nói sao được, có biết tí gì cũng là học thuộc lòng mà nhớ, rồi lại lặp lại như con yêng mà thôi ; vân-vân...

Ấy đại-khái những câu trả lời như thế cả, tôi có thể kể ra vô-cùng. Than ôi ! biết bao nhiêu người Pháp, kể cả những người có sẵn lòng tốt với dân An-Nam, không hiểu một tí gì về lịch-sử, tinh-thần, về cái sức tu-tướng suy-nghĩ, về sự hi-vọng về đường chính-trị của người nước Nam !

Bấy nhiêu những điều ấy, phàm người ở thuộc-địa « có ý-thức » cần phải biết đến, nay cứ đọc ngay sách ông PHẠM QUỲNH là biết hết, mà biết



en Indochine, le conférencier annamite en voit aussi les dangers et les difficultés... S'il remercie les protecteurs de son pays, il sait aussi au besoin les conseiller, les avertir.

Il montre qu'en l'affranchissant du joug chinois, on ne doit cependant pas le priver brusquement du fond de préceptes et de doctrines consignés dans les *Caractères* et qui ont constitué jusqu'à nos jours ses humanités ; il ne faut pas déraciner cet arbre pour le faire fructifier, mais amender son sol nourricier et l'émonder ou greffer avec précaution. Nous avons le noble devoir d'aider le peuple annamite à prendre de plus en plus conscience de sa personnalité, personnalité que la prison intellectuelle et morale des Chinois n'est pas parvenue à étouffer complètement, et qui s'est manifestée dans une littérature originale dont les fleurs sont de délicieuses chansons populaires et ce *Kim-Vân-Kiều*, la *Mireille* annamite. Cet affranchissement-là n'est d'ailleurs pas le seul que les populations de l'Indochine attendent de la France. M. PHẠM QUỲNH nous fait l'honneur de nous croire fidèles à nos traditions d'entreprises chevaleresques et désintéressées et il croit que nous ne voulons point faire de nos protégés des esclaves.

Ce livre est donc fort intéressant et fort utile. Il nous ouvre une belle âme, un cœur sincère, il nous ouvre même l'âme de toute une race. Il nous montre les raisons profondes de l'amitié franco-annamite, — raisons encore hélas insoupçonnées de bien des colons. Il nous rend fiers de nous-mêmes, en même temps que respectueux des traditions vingt fois séculaires d'un

cái công-nghiệp của nước ta ở Đông-Pháp này, nhưng cũng hiểu rõ rằng tự-trung còn có điều nguy-hiểm, sự khó-khăn... Tuy có cảm ơn người bảo-hộ nước mình, nhưng điều gì nên khuyên-răn cũng biết khuyên-răn, nên chỉ-bảo cũng biết chỉ-bảo.

Tỏ ra cho biết rằng tuy người An-Nam đã thoát-ly được cái ách người Tàu, nhưng cũng không nên bất-đán làm cho mất hẳn những điều cương-thường đạo-lý ở trong chữ nho, là cội-điền của nước Nam từ xưa đến nay; vì như một cái cây, muốn cho sinh hoa kết quả, không nên làm cho bật rễ lên, phải bón-sới đất, phải sên cắt cành, mà chiết mà ghép cho khéo. Ta có cái nghĩa-vụ cao-thượng phải giúp cho dân An-Nam càng ngày càng thấu rõ cái quốc-túy của mình, quốc-túy ấy tuy phải giam-hãm trong cái cũi - học của người Tàu bấy lâu mà không đến nỗi héo-hắt hẳn, đã từng xuất-hiện ra một lối văn - chương cũng lạ, như những câu ca-dao rất phong-thú kia, và như quyền truyện *Kiều* nọ, thật là một bộ *Mireille* của người Việt-Nam vậy. Không những thế, dân An-Nam không một mong ta giải-phóng về đường ấy mà thôi. Ông PHẠM QUỲNH cho ta được cái danh-dự tin rằng ta không đến nỗi phản-bội cái tinh-thần nghĩa-hiệp, cái chủ-nghĩa quảng-đại là gốc lịch-sử của nước ta, ông tin rằng ta không có cái chủ-ý muốn nô-lệ những dân ta bảo-hộ.

Nói tóm lại thời sách ấy hay lắm, có ích lắm. Tỏ cho ta biết một người tinh-tinh cao-thượng, bụng-dạ chân-thành, lại tỏ cho biết cái hồn-tinh của cả một dân-tộc nữa. Bày rõ những cái lẽ thâm-trầm nó khiến cho người Pháp người Nam có thể thân-yêu nhau được, — lẽ ấy nhiều người Pháp ở thuộc-địa còn không ngờ tới, tiếc thay ! Sách ấy làm cho ta vừa có thể

peuple au cœur fort, à l'esprit délicat. — C'est un bréviaire colonial.

SÉRÉNUŠ

(France-Indochine, 1<sup>er</sup> Septembre 1923)

tự-cao, lại vừa biết đem lòng tôn-trọng cái lịch-sử đã hai mươi thế-kỷ của một dân-tộc có trí khôn, có bụng khá. — Sách ấy là quyển kinh nhật-tụng của người Pháp ở thuộc-địa vậy.

## Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

(Dịch thơ văn Tây)

### Le jeune homme et le vieillard

« De grâce, apprenez-moi comment on fait  
fortune,

Demandait à son père un jeune ambitieux.

— Il est, dit le vieillard, un chemin glorieux :

C'est de se rendre utile à la cause commune,

De prodiguer ses jours, ses veilles, ses talents,

Au service de la patrie.

— Oh ! trop pénible est cette vie,

Je veux des moyens moins brillants.

— Il en est de plus sûrs, l'intrigue. — Elle  
est trop vile ;

Sans vice et sans travail je voudrais m'enrichir.

— Eh bien, sois un simple imbécile,

J'en ai vu beaucoup réussir. »

FLORIAN

### Cậu thiếu-niên và ông lão

Một chàng vào chạc thanh-niên,  
Khát-khao phú-quí chưa yên tắc vàng.

Thưa trình thân phụ rõ-ràng :

« Xin cha chỉ lối giàu sang con tưởng. »

Ông rằng : « Nguyên có một đường :

Là trọng công-nghĩa, xem thường lợi tư,

Ngày đêm chẳng quản công-phu,

Đem tài, đem trí khuông-phù quốc-gia ;

Cái đường ấy mới vinh-hoa ! »

Thưa rằng : « Vinh thực nhưng mà khó noi,

Con ưa thủ-doạn thường thôi. »

— Đáp rằng : « Tuyệt-diệu, con ơi, kể này :

Luồn-lỏi khéo, hại người ngay. »

Con rằng : « Mặt dạn mày dầy lắm du !

Ước gì đạo-đức niên-từ,

Thanh-nhàn mà lại có dư bạc tiền. »

— Vậy con đành phận ngu hèn,

Lắm thẳng dê-tiền làm nên sang giàu. »

VŨ VĂN-LỄ

Giáo-học trường Trung-Pháp (Vân-Nam)

